

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HS-ST

Ngày 17 – 4 – 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Việt Phương

2. Bà Nguyễn Thị Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:**  
Ông Lương Duy Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

**Hà Mạnh C**, sinh năm 1982, tại thành phố H

Nơi cư trú: Số 123 đường L, tổ 02, phường H, thành phố N, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Kim T, sinh năm 1958 (Năm 1996 ông Trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; năm 2005 ông Trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng Ba) và bà: Lê Thị T, sinh năm 1951; vợ, con: chưa có; tiền án: Bản án số 275/2017/HSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt Hà Mạnh C 07 năm 09 tháng tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2023, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 08/12/2017; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/10/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, thành phố H ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa Hà Mạnh C vào Trung tâm Chữa bệnh- Giáo dục- Lao động xã hội. Chấp hành xong ngày 15/10/2015; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2023 đến ngày 08/01/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

*(Trích xuất có mặt tại phiên tòa).*

**- Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996, trú tại xã T, huyện T, tỉnh N (Chủ cửa hàng chăn gối V, Trung tâm thương mại G); Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Chị Đinh Hiền T, sinh năm 1997, trú tại thôn K, xã S, huyện V, tỉnh T.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976, trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh T (Chủ cửa hàng thịt nướng T, Trung tâm thương mại G).

3. Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1989, trú tại tổ 6, phường Q, thành phố T, tỉnh T. (Chủ cửa hàng bán phụ kiện, trang sức và quà tặng M, Trung tâm thương mại G).

4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987, trú tại tổ 4, xã P, thành phố T, tỉnh T (Chủ nhà hàng lẩu băng chuyền Y, Trung tâm thương mại G).

**- Người làm chứng:**

+ Anh Nguyễn H, sinh năm 1978, trú tại thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T (Nhân viên bảo vệ của Trung tâm thương mại G, tổ 1 phường P, thành phố T, tỉnh T)

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh T (Nhân viên an ninh của Trung tâm thương mại G, tổ 1 phường P, thành phố T).

*(Các bị hại và người làm chứng đều vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên ngày 29/12/2023, Hà Mạnh C đi từ nhà sang thành phố T, tỉnh T mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ cùng ngày, C đi vào Trung tâm thương mại G Vộc tổ 1, phường P, thành phố T, tỉnh T mục đích xem các quầy hàng trong Trung tâm thương mại nếu có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Khi vào trong Trung tâm thương mại C đi loanh quanh chờ đến 22 giờ cùng ngày khi Trung tâm thương mại G đóng cửa, C không ra ngoài mà ở lại bên trong. C quan sát thấy nhân viên của cửa hàng thịt nướng T tại tầng 2 đã ra về hết, trong cửa hàng không còn người nên C đi vào trong cửa hàng ngồi, mục đích để chờ mọi người trong Trung tâm thương mại về hết thì C sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ sáng ngày 30/12/2023, do hệ thống điện trong trung tâm vẫn bật nên C quan sát thấy trong trung tâm không còn người. Lúc này, C đến khu vực quầy V ngân của quán thịt nướng T, C mở tủ để đồ lấy được số tiền 100.000 đồng của anh Phạm Văn T sinh năm 1976, trú tại thôn Việt C, xã V, huyện V, tỉnh T. Sau đó, C đi đến cửa hàng chăn ga gối đệm V và mở ngăn kéo tại quầy V ngân lấy được số tiền 1.100.000 đồng của chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996, trú tại xã T, huyện Thanh C, tỉnh N. C tiếp tục đi đến cửa hàng phụ kiện, trang sức và quà tặng M lấy được 140.000 đồng của chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1989, trú tại tổ 6, phường Q, thành phố T, tỉnh T để trên bàn tại quầy V ngân của cửa hàng. Tiếp đó, C tiếp tục đi đến cửa hàng lẩu băng chuyền Y và lấy được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 trị giá 1.500.000 đồng

của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987, trú tại tổ 4, xã P, thành phố T, tỉnh T để trên mặt bàn tại quầy V ngân của cửa hàng. Sau khi trộm cắp được những tài sản trên, C đi xung quanh để tìm lối ra thì bị Tổ bảo vệ của Trung tâm thương mại phát hiện bắt giữ.

- Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận: *Trị giá 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, số IMEI1: 35246985860313x; số IMEI2: 35713237860313x đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 30/12/2023 là 1.500.000 đồng*

Cáo trạng số 53/CT-VKSTPT ngày 13/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T truy tố Hà Mạnh C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

#### ***Tại phiên tòa:***

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã nêu trong Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như nội dung cáo trạng phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; Đơn trình báo và Biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn H ngày 30/12/2023 (Bút lục số 04-07); biên bản ghi lời khai của những người bị hại (Bút lục số 15-16, 168-170, 175-176, 177-179, 184-185); lời khai của người làm chứng khác (Bút lục số 19-21, 182-183). Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ tại trụ sở Công an phường P, thành phố T, tỉnh T ngày 30/12/2023 (Bút lục số 08-09);

- Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường (Bút lục số 33- 56);

- Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đối với chiếc điện thoại (Bút lục số 76);

- Kết luận giám định số 99/KL-KTHS ngày 05/2/2024 của Phòng Kỹ Vật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh của 07 tập tin video gửi giám định (Bút lục số 104)

- Kết luận giám định số 97/KL-KTHS ngày 26/1/2024 của Phòng Kỹ Vật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: 12 (mười hai) tờ tiền có tổng trị giá 1.340.000 đồng gửi giám định là tiền thật (Bút lục số 132);

Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ Ngày 30/12/2023, tại tầng 2 Trung tâm thương mại G Vộc tổ 1, phường P, thành phố T, tỉnh T, Hà Mạnh C đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 100.000 đồng tại quầy V ngân của quán thịt nướng T của anh Phạm Văn T; số tiền 1.100.000 đồng tại ngăn kéo quầy V ngân của cửa hàng chăn ga gối đệm Việt Nhật của chị Nguyễn Thị V; số tiền 140.000 đồng để trên quầy V ngân của cửa hàng bán phụ kiện, trang sức và quà tặng M của chị Phạm Thị Đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A13, màu đen, trị giá 1.500.000 đồng để trên quầy V ngân của cửa hàng lẩu băng chuyền Y của chị Nguyễn Thị M. Tổng trị giá tài sản Hà Mạnh C trộm cắp là 2.840.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

### **Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

.....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.*

Như vậy việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T truy tố và kết luận bị cáo Hà Mạnh C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy : Lợi dụng sự sơ hở của các chủ tài sản kinh doanh tại Trung tâm thương mại G trong

việc trông coi tài sản, bị cáo đã trộm cắp của các anh/chị: Phạm Văn T, Nguyễn Thị V, Phạm Thị Đ và Nguyễn Thị M tổng số tiền và tài sản với trị giá 2.840.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng cho các cá nhân, hộ kinh doanh và khách hàng tới tham quan, mua sắm tại nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện là thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do đó bị cáo phải chịu mức án nhất định, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo còn được xét hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Qua phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định như mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung.

Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và V nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 1.340.000 đồng, bị cáo trộm cắp của chị Nguyễn Thị V, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị Đ. Ngày 28/01/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho anh T chị Đ và chị V (do chị Đinh Hiền T đại diện theo ủy quyền của chị V nhận giúp). Sau khi nhận lại đủ số tiền bị mất, các bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen, số IMEI1: 35246985860313x; số IMEI2: 35713237860313x đã qua sử dụng quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị M. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M theo quy định. Chị M cũng không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không xét.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và các bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Hà Mạnh C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Mạnh C 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (30/12/2023).

- Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức V, miễn, giảm, V, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hà Mạnh C phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### ***Nơi nhận***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Tp. T;
- VKSND tỉnh T;
- Cơ quan CSĐT CA Tp. T;
- Cơ quan THAHS CA Tp. T;
- Trại tạm giam công an tỉnh T;
- Sở Tư pháp T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Hạ Long, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, HCTP.

**Lê Thị Phụng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phụng**



